TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CÁT** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST.
Ngày: 14/8/2020
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà: Nguyễn Thị Dung
2.Ông: Phan Thanh Long
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 05/02/2020 về: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm 1941 – Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện P - C, tỉnh Bình Định.

2.Bị đơn:
+Ông: Nguyễn T, sinh năm 1976
+Bà: Nguyễn Thị B - H, sinh năm 1979
Đồng trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện P - C, tỉnh Bình Định.

(Nay bà N có mặt; ông T, bà H vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2019, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay – Nguyên đơn bà N trình bày:*

Do chỗ quen biết, gần nhà – Ngày 29/12/2015 âm lịch bà N có cho vợ chồng ông Nguyễn T – bà Nguyễn Thị B - H vay 01 chỉ vàng y, vàng nhẫn, loại vàng 98%, hai bên thỏa thuận có trả lãi, mỗi tháng vợ chồng ông T phải trả cho bà 100.000đồng/01chỉ/tháng, thời hạn vay 02 tháng vợ chồng ông T hứa sẽ trả lại chỉ vàng cho bà, khi vay ông T có viết giấy vay, nhưng từ đó đến nay không trả. Từ khi vay đến nay vợ chồng ông T đã trả cho bà được 2.000.000đồng tiền lãi, sau đó không trả nữa, bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T trả 01 chỉ vàng y gốc vay cho bà nhưng vợ chồng ông T cứ hẹn, không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông T – bà H phải trả 01 chỉ vàng y gốc vay cho bà, còn lãi vay bà không yêu cầu phải trả nữa.

**Tại bản khai và biên bản lấy lời khai đương sự có trong hồ sơ vụ án - Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn T – bà Nguyễn Thị B - H đồng thống nhất trình bày:*

Vợ chồng ông T – bà H thừa nhận ngày 29/12/2015 âm lịch – vợ chồng ông T – bà H có vay của bà Đào Thị N ở thôn Đ, xã C, huyện P - C 01 chỉ vàng y, loại vàng nhẫn 98 %. Lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 200.000đồng/01chỉ/tháng, khi vay ông T có viết giấy vay, "Giấy mượn tiền" ghi ngày 29/12/2015 âm lịch là do chính ông T viết. Vợ chồng ông, bà đã trả lãi cho bà N đến ngày 28/6/2019 âm lịch với lãi suất 200.000đồng/tháng/chỉ. Nhưng sau đó vì điều kiện kinh tế của vợ chồng ông, bà quá khó khăn nên không có để trả nữa. Nay vợ chồng ông T, bà H thừa nhận vẫn còn nợ bà N 01 chỉ vàng y gốc vay, vợ chồng ông, bà chấp nhận trả nợ nhưng trả ngay thì chưa có, ông T, bà H hứa sẽ xoay sở để trả 01 chỉ vàng y cho bà N.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Tòa thu thập được gồm có:*

"Giấy mượn tiền" do ông Nguyễn T viết ngày 29/12/2015 âm lịch; bản tự khai của bà Đào Thị N, ông Nguyễn T; biên bản lấy lời khai đương sự bà Nguyễn Thị B - H; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ của nguyên đơn bà Đào Thị N, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) thấy rằng:

Ngày 29/12/2015 âm lịch (Nhằm ngày 07/02/2016 dương lịch) bà N có cho vợ chồng ông Nguyễn T – bà Nguyễn Thị B - H vay 01 chỉ vàng y (Loại vàng nhẫn 98%), hai bên thỏa thuận có trả lãi, thời hạn vay 02 tháng, khi vay ông T có viết

giấy vay. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, vợ chồng ông T – bà H không trả lại 01 chỉ vàng y gốc vay cho bà N, bà N đã nhiều lần yêu cầu bên vay trả nợ nhưng cho đến nay vợ chồng ông T – bà H chưa trả 01 chỉ vàng y cho bà N, nên bà N khởi kiện, nay bà N yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T – bà H phải trả 01 chỉ vàng y gốc vay cho bà N.

HĐXX nhận thấy tranh chấp giữa các bên là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại các Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 - do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Sau khi xác lập Hợp đồng cho vay, bên cho vay là bà N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay là đã giao 01 chỉ vàng y gốc vay cho bên vay là vợ chồng ông T – bà H nhận, nhưng khi đến hạn trả nợ vợ chồng ông T – bà H không trả lại chỉ vàng vay cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu vợ chồng ông T – bà H trả 01 chỉ vàng y gốc vay là có cơ sở, nên căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 – HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T – bà H phải có nghĩa vụ trả lại 01 chỉ vàng y gốc vay cho bà N (Loại vàng nhẫn 98%).

[2]Về lãi suất vay: Cả bên nguyên đơn bà N và bên bị đơn vợ chồng ông T– bà H đều thống nhất xác định vay có lãi, nhưng mức lãi suất vay hai bên trình bày không thống nhất. Bà N cho rằng lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 100.000đồng/01chỉ/tháng và xác định bên vay đã trả lãi cho bà được 2.000.000đồng, sau đó không trả nữa. Còn bên vay là bà H thì cho rằng lãi suất vay là 200.000đồng/tháng/chỉ và cho rằng vợ chồng bà đã trả lãi cho bà N đến ngày 28/6/2019 âm lịch. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bên nguyên đơn bà N không yêu cầu vợ chồng ông T – bà H phải trả lãi nữa, các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần lãi suất nên HĐXX không xét về phần lãi vay.

[3]Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Buộc vợ chồng ông T – bà H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

[4]Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P - C về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay là đúng theo qui định của pháp luật.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T – bà H có nghĩa vụ trả 01 chỉ vàng y gốc vay cho bà N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với hướng nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

[1]Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của nguyên đơn bà Đào Thị N đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn T – bà Nguyễn Thị B - H.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn T – bà Nguyễn Thị B - H phải có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị N 01 chỉ vàng y gốc vay (Loại vàng nhẫn, chất lượng 98%).

[2]Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông T – bà H phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* sung ngân sách Nhà nước.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P - C hoàn trả 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí khởi kiện cho bà Đào Thị N theo biên lai thu số: 0008701 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P - C.

Án xử sơ thẩm công khai, bà N có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm. Ông T – bà H vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã C nơi ông T – bà H cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**